

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+BK10+PPD	7:25	0+0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 BK3- PPDCHUYEN 1 BK10-PPD
2		CTK3+BK16+GTCl	7:25	9+6+5	0+0+0		9+6+7	0+0+0	
3		CTK3+TD5	9:25	15+0	0+0		17+5	0+0	
4		CNV+AMD+P9	9:25	0+18+0	0+0+0		0+17+4	0+0+0	CHUYEN 3 CNV-AMD
5		RC3+CTK3	11:25	4+10	0+0		4+18	0+0	
6		P4+P5+PPD	11:25	4+0+11	0+0+0		3+4+15	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2024	TO: BK3 - BK10 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: N.ANH - TUYỀN - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	200	1	6	3	30	76	KHI	Vietnamese
2	DUƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	81	1	7	3	45	72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD	87-88	2	7			56	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HOAI BAO	PPD	99	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	PPD	93	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CHÍ KIẾN	PPD	74-75	2	5			77	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGOC DUNG	PPD	82-83	2	10			55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	84	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	90-91	2	10			74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN HAI	PPD	86	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỒ HAI	PPD	80	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ HỮU NAM	PPD	76	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC TÔN	PPD	94	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	89	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯƠNG VĂN TĂNG	PPD	92	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	PPD	85	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO VIỆT ANH	PPD	95	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	96-97	2	17			57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	98	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	0	0	0	0	5	67	0	1	CHUYEN 1 PAX BK3-PPD
2	BK10	0	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX BK10-PPD
3	PPD	19	1.279	24	122	6	75	22		
TOTAL		19	1.279	24	122	11	142	22		
WEIGHT KG			1.279		122		142			

GRAND TOAL: 1.543 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2024		TO: CTK3 - BK16 - GTC1			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:35		
FLIGHT: 2		FROM: VT			CREW: LINH - ĐNAM - THÀNH			ETA: 09:25		
CAM-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BOGDANOV E.	CTK3	84	1	7	4	70	78	KH-THAC	Russian
2	TRINH QUOC HUY	CTK3	85	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN DU	CTK3	81	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	82	1	5			54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CTK3	83	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VĂN BÌNH	CTK3	77	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	79	1	2			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ QUANG THẮNG	CTK3	80	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
9	PHÙNG ĐÌNH HẢI	CTK3	78	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KHANG	BK16	93-94	2	7	1	20	75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO KIM CUƠNG	BK16	88	1	2			58	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH THẮNG	BK16	92	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	91	1	2			88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY BÀI	BK16	89-90	2	17			85	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN HỒNG	BK16	95	1	5			53	PSV	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	GTC1	26	1	7	2	30	71	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HÙNG	GTC1	27	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN SƠN TÙNG	GTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1						66	KH-THAC	Vietnamese
20	KIỀU VĂN TUẤN	GTC1	28	1	4			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	9	633	9	41	4	70	9		
2	BK16	6	439	8	38	1	20	6		
3	GTC1	5	368	3	16	2	30	7		
TOTAL		20	1.440	20	95	7	120	22		
WEIGHT KG			1.440		95		120			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/10/2024		TO: CTK3 - TD5			AIRCRAFT: 428			ETD: 09:50		
FLIGHT: 3		FROM: VT			CREW: N.ANH - TUYỀN - THỤ			ETA: 11:40		
CAM-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	04	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	16	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
3	VU BAO AN	CTK3	03	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN CUÔNG	CTK3				3	30	65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAM VĂN THANH	CTK3	06-07	2	11	2	40	69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	12	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỮU TRUNG	CTK3	15	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	900	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	13-14	2	20			61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DANH TUÂN	CTK3	20	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
11	VU HỮU HÀ	CTK3	01-02	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ THANH CHUNG	CTK3	05	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐO HỮU ĐỨC	CTK3	11	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI TRỌNG HỘI	CTK3	17	1	19			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ HUY	CTK3	99	1	12			78	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	15	1.061	17	135	5	70	17		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		15	1.061	17	135	5	70	22		
WEIGHT KG			1.061		135		70			

GRAND TOAL: 1.266 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2024		TO: CNV - AMD - P9			AIRCRAFT: 406			ETD: 09:55		
FLIGHT: 4		FROM: VT			CREW: LINH - ĐNAM - THÀNH			ETA: 11:45		
XANH-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VO BA LINH	AMD	05-06	2	14			74	HLJOC	Vietnamese
2	NGO SY KHOI	AMD	15	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN LE HOA	AMD	01	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	04	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH KHOA	AMD	13-14	2	9			48	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC TUAN	AMD	12	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VIET	AMD	07	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEU	AMD	22	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUC THIEN	AMD	26	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
10	LY CAO THANG	AMD	11	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THAI HUYNH	AMD	18	1	14			68	MEC	Vietnamese
12	HUYNH PHUC AM	AMD	16-17	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	19-20	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRAI	AMD	02	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO TRI HUNG	AMD	03	1	13			63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN HUU PHUOC	AMD	08-09	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG THANH TUYEN	AMD	10	1	8			78	CODIEN	Vietnamese
18	PHAM VAN HUAN	AMD	21	1	5			63	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CNV	0	0	0	0	4	65	0+3		CHUYEN 3 PAX CNV-AMD
2	AMD	18	1.230	23	159	3	45	17		
3	P9	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	1.230	23	159	7	110	21		
WEIGHT KG			1.230		159		110			

GRAND TOAL: 1.499 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/10/2024	TO: RC3 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM NGỌC DINH	RC3	45-46	2	20	2	40	80	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN NGỌC TUẤN ANH	RC3	43-44	2	20			80	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ ANH	RC3	47-48	2	20	3	50	78	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU TUẤN	RC3	41-42	2	20			56	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	31-32	2	10			60	PSV	Vietnamese
6	ĐỖ ĐĂNG THANH	CTK3	24	1	5			66	PSV	Vietnamese
7	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	25	1	9			68	PSV	Vietnamese
8	LÊ TUẤN VŨ	CTK3	29-30	2	10			100	PSV	Vietnamese
9	LÊ DUY HAI	CTK3	22	1	4			75	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN THU TRANG	CTK3	21	1	8			72	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SA	CTK3	23	1	5			65	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN HẬU	CTK3	27	1	8			93	PSV	Vietnamese
13	BUI VĂN LONG	CTK3	26	1	3			70	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	CTK3	28	1	3			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC3	4	294	8	80	5	90	4		
2	CTK3	10	722	12	65	0	0	18		
TOTAL		14	1.016	20	145	5	90	22		
WEIGHT KG			1.016		145		90			

GRAND TOAL: 1.251 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

tổng pax đưa về 23, ĐD, P. Công OK



FLIGHT MANIFEST

Copy for (tên công ty)

DATE: 31/10/2024		TO: P4 - P5 - PPD		AIRCRAFT: 406		ETD: 12:15	
FLIGHT: 6		FROM: VT		CREW: CHIẾN - NPHÚ - TÚ		ETA: 14:05	
CAM-3							

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI SONG TOAN	P4	58	1	7			77	KHI	Vietnamese
2	VO DINH HA	P4	59-60	2	15			64	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC THO	P4				3	28	65	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN HUU TRUNG	P4	64	1	7			56	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC HIEU	PPD	02	1	6	3	45	71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM THANH KIM	PPD	66	1	5	1	20	67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HA	PPD	01	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN CAO	PPD	70	1	10			59	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC TRUNG	PPD	61	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI XUAN DIEP	PPD	67	1	10			65	PSV	Vietnamese
11	VU THE LIEN	PPD	65	1	5			66	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG TAN NGHIA	PPD	69	1	7			68	PSV	Vietnamese
13	LE TIEN LOI	PPD	62	1	4			70	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN MINH DONG	PPD	63	1	3			45	PSV	Vietnamese
15	TRAN VAN THUAT	PPD	68	1	3			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	4	262	4	29	3	28	3		
2	P5	0	0	0	0	0	0	4		
3	PPD	11	716	11	69	4	65	15		
TOTAL		15	978	15	98	7	93	22		
WEIGHT KG			978		98		93			

GRAND TOAL: 1.169 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN